

Số: 192/2020/QĐST-HNGĐ

Cầu Giấy, ngày 05 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

T□A □N NHÂN DÂN QU□N CẦU GIẤY

Căn cứ hồ sơ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn thụ lý số 225/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Anh **Mai Huy D** sinh năm: 1981

Trú tại: thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Chị **Vũ Thị T** sinh năm: 1983

Trú tại: số 17 ngõ 87 đường N, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020;

XÉT THẤY:

[1] Anh Mai Huy D và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 01/10/2015). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Mai Huy D và chị Vũ Thị T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Mai Huy T (nam) sinh ngày 20/7/2012. Anh chị cùng thống nhất thỏa thuận để chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Anh D có quyền chăm sóc, thăm gặp, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nhà ở: Anh chị cùng trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.
- Về công nợ: Anh chị cùng trình bày không có khoản nợ nào chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Về lệ phí việc ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh D tự nguyện chịu cả, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0003491 ngày 21/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận C;*
- *Chi cục THADS quận C;*
- *UBND xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thu Ngân